

**CÔNG TY CỔ PHẦN ART HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ART HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ART HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107933009

**3. Ngày thành lập:** 25/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 6, Thôn Yên Phú, Xã Văn Phú, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |
| 2.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2394     |
| 3.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1623     |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312     |
| 5.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5210     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                         | 8299     |
| 8.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2220     |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100     |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4210     |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4220     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản (Không bao gồm kinh doanh, môi giới, định giá bất động sản)                                                                                                                                                                                                                             | 6820        |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4759        |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                    | 4773        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2393(Chính) |
| 18. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2391        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 26. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1702        |
| 27. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn luật, thuế, kế toán, kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                               | 6619        |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4752        |
| 30. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 25/07/2017 đến ngày 24/08/2017

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HÙNG | Xóm 6 Thôn Yên Phú, Xã Văn Phú, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 001088005109                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ NHÀN | Thôn Thọ Giáo, Xã Tân Minh, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 588.000    | 5.880.000.000         | 60,000    | 001188001264                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 588.000    | 5.880.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THỊ LUÂN   | Thôn Nội Hương, Xã Hương Lâm, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 121842513                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHÀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001188001264

Ngày cấp: 08/07/2014

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thọ Giáo, Xã Tân Minh, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thọ Giáo, Xã Tân Minh, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội